

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2015 của Công ty.

### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Khánh Hòa theo Quyết định số 2171/QĐ – UBND ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4200238007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2013.

- **Vốn điều lệ** : 260.000.000.000 VND

*Cơ cấu vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:*

<b>Cổ đông</b>	<b>Vốn góp (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	79,23
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh ( REE)	40.600.000.000	15,62
Các cổ đông khác	13.400.000.000	5,15
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

- **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại : (058) 3 822 142 – 3 815 372

Fax : (058) 3 819 144 – 3 810 740

Mã số thuế : 4 2 0 0 2 3 8 0 0 7

- **Ngành, nghề kinh doanh**

Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá. Chi tiết: sản xuất nước đá sạch; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án công trình cấp nước, tư vấn thẩm tra hồ sơ báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán và dự toán các công trình. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu. Định giá xây dựng. Thiết kế cấp – thoát nước. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường dây và trạm biến áp. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chi tiết sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: cho thuê văn phòng; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng; Quản lý và vận hành hệ thống thoát nước và các dịch vụ vệ sinh, môi trường.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ**

Chủ tịch và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Trần Văn Huy	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Bình	Thành viên
Ông Phạm Cao Minh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đàm	Thành viên
Ông Lục Chánh Trường	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thị Hương Giang	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đình Hà	Thành viên
Ông Vũ Văn Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Huy	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Cao Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đàm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng

### **SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2015**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 9 năm 2015 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 9 tháng đầu năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



  
**TRẦN VĂN HUY - Chủ tịch HĐQT**  
kiêm Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2015

**Mẫu B 01a-DN**

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số dư 30/9/2015</b>	<b>Số dư 01/01/2015</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>166.704.281.178</b>	<b>148.053.708.987</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>37.233.099.896</b>	<b>17.379.580.210</b>
1. Tiền	111		16.233.099.896	17.379.580.210
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>41.000.000.000</b>	<b>62.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	41.000.000.000	62.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.963.849.946</b>	<b>30.566.836.920</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	27.013.975.801	27.189.262.268
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20.949.445.600	2.186.899.400
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	428.545	1.190.675.252
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>38.493.693.695</b>	<b>33.190.983.877</b>
Hàng tồn kho	141	V.6	38.493.693.695	33.190.983.877
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.013.637.641</b>	<b>4.916.307.980</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	-	354.368.963
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	912.435.118
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	2.013.637.641	3.649.503.899
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>320.393.172.594</b>	<b>321.564.897.578</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>284.907.537.508</b>	<b>281.438.952.686</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	266.709.935.872	262.213.079.283
Nguyên giá	222		534.532.224.968	496.015.005.625
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(267.822.289.096)	(233.801.926.342)
2. Tài sản cố định vô hình	224	V.9	18.197.601.636	19.225.873.403
Nguyên giá	225		22.698.885.000	22.698.885.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.501.283.364)	(3.473.011.597)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>24.218.461.730</b>	<b>11.746.127.754</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.10	2.468.942.891	2.485.165.920
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	21.749.518.839	9.260.961.834
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.600.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	3.600.000.000	1.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.667.173.356</b>	<b>27.379.817.138</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	7.667.173.356	27.379.817.138
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>487.097.453.772</b>	<b>469.618.606.565</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**  
 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Quý 3 năm 2015  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/9/2015	Số dư 01/01/2015
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>187.297.965.309</b>	<b>185.267.933.769</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>59.902.475.577</b>	<b>83.247.676.037</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	5.422.930.985	15.324.053.778
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.931.794.000	3.579.734.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	24.311.601.427	24.920.803.604
4. Phải trả người lao động	314		15.506.925.088	21.627.506.145
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.074.698.013	2.584.915.122
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	-	106.045.453
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	454.346.786	403.408.657
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	5.023.080.000	11.006.160.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	5.177.099.278	3.695.049.278
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>127.395.489.732</b>	<b>102.020.257.732</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	9.708.585.354	10.622.835.354
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	117.686.904.378	91.397.422.378
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>299.799.488.463</b>	<b>284.350.672.796</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>299.799.488.463</b>	<b>284.350.672.796</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>260.000.000.000</i>	<i>260.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		852.875.935	852.875.935
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.349.780.000	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.596.832.528	23.497.796.861
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>14.970.791.861</i>	<i>23.497.796.861</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>21.626.040.667</i>	<i>-</i>
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>487.097.453.772</b>	<b>469.618.606.565</b>

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 9 năm 2015



TRẦN VĂN HUY  
 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN QUÂN  
 Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN QUÂN  
 Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 3 năm 2015

(Có so sánh số liệu quý 3 năm 2014)

Mẫu B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2015	Quý 3/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	63.775.778.537	55.597.431.724
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	909.090
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		63.775.778.537	55.596.522.634
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	52.452.379.626	44.940.992.097
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.323.398.911	10.655.530.537
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	742.376.511	1.057.561.574
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.216.279.144	1.692.035.717
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.216.279.144	1.692.035.717
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	60.000.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	1.189.491.020	1.328.596.404
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.600.005.258	8.692.459.990
11. Thu nhập khác	31		1.057.464.020	1.044.549.582
12. Chi phí khác	32		1.075.528.140	1.044.112.774
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.7	(18.064.120)	436.808
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.581.941.138	8.692.896.798
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.150.285.789	835.733.342
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>8.431.655.349</u>	<u>7.857.163.456</u>

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 9 năm 2015

TRẦN VĂN HUY  
 Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

NGUYỄN VĂN QUÂN  
 Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN QUÂN  
 Người lập biểu

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý III năm 2015

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Dịch vụ
- Ngành, nghề kinh doanh** :

Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hiện nay, Công ty hoạt động sản xuất, kinh doanh chính trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### 5. Cấu trúc của Công ty

Công ty có công ty liên kết tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	Khai thác, xử lý, cung cấp nước	30%	30%

### 6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 323 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 321 người).

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 thuộc kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đây là kỳ kế toán thứ 2 của Công ty.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 1. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại Thuyết minh số VIII.4 của Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2015.

### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

## ***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn và dài hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

## **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng và phải thu cung cấp dịch vụ.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Ký quỹ vỏ chai, phải thu thuế Thu nhập cá nhân của Công nhân viên và các khoản tạm ứng nhân viên.

## **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

## **7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 30
Thiết bị văn phòng	3 - 10

## 8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và các tài sản cố định khác của Công ty.

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 - 5 năm.

### *Tài sản cố định vô hình khác*

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước Thành phố Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

## 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt máy móc, thiết bị, đường ống,... chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

## 10. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

## 11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa lớn tài sản, đồng hồ thay mới đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

## 12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần**

#### ***Cơ cấu vốn chủ sở hữu***

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### ***Phân phối lợi nhuận thuần***

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
  - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
  - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

### **14. Doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

## Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu

## **15. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

## **16. Ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

## **17. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

## Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### 18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số dư 30/9/2015	Số dư 01/01/2015
Tiền mặt	540.110.269	19.568.776
Tiền gửi ngân hàng	15.692.989.627	17.360.011.434
Các khoản tương đương tiền (*)	21.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>37.233.099.896</b>	<b>17.379.580.210</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,3%/năm.

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ngân hàng thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang Tỉnh Khánh Hòa	30.000.000.000	33.000.000.000
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Khánh Hòa	11.000.000.000	17.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	-	9.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa Phòng giao dịch Vĩnh Hải	-	3.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.000.000.000</b>	<b>62.000.000.000</b>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 6 tháng tại các ngân hàng thương mại với số tiền là 41.000.000.000 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 62.000.000.000 đồng), lãi suất từ 5,3% đến 5,7%/năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số dư 30/9/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
Phải thu tiền nước khách hàng	25.653.324.150	21.683.231.268
Phải thu hoạt động xây lắp	1.360.651.651	512.484.000
Phải thu hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước	-	4.993.547.000
<b>Cộng</b>	<u><b>27.013.975.801</b></u>	<u><b>27.189.262.268</b></u>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Công ty Cp Đầu tư XD CTN Suối dầu		912.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ B.A.C.A.U	18.264.958.000	-
Công ty TNHH công nghệ Xanh Hoa Sen	676.120.000	-
Công ty Cổ phần truyền thông Adtec	426.597.600	-
Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Đại Tây Dương	560.000.000	
Công ty Cp ĐTPT hạ tầng & môi trường ( IDECA)		437.910.000
Công ty TNHH trung Nguyễn		549.869.400
Các khách hàng khác	1.021.770.000	287.120.000
<b>Cộng</b>	<u><b>20.949.445.600</b></u>	<u><b>2.186.899.400</b></u>
(*) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan (xem Thuyết minh số VII.2)	-	912.000.000

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số dư 30/9/2015</u>		<u>Số dư 01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-	-	-
Ký cược vỏ chai	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu tiền bảo lãnh CT, BHXH	32.524.000	-	17.805.152	-
Phải thu tiền thuế TNCN			1.017.870.100	-
Tạm ứng nhân viên	-52.095.455	-	135.000.000	-
<b>Cộng</b>	<u><b>428.545</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>1.190.675.252</b></u>	<u><b>-</b></u>

**6. Hàng tồn kho**

Nguyên liệu, vật liệu	38.493.693.695	33.190.983.877
<b>Cộng</b>	<u><b>38.493.693.695</b></u>	<u><b>36.460.222.594</b></u>

**7. Chi phí trả trước**

<i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i>		<b>354.368.963</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ		317.414.963
Hệ thống nước		-
Đồng hồ thay mới		-
Chi phí khác	-	36.954.000
	<u><b>Số dư 30/9/2015</b></u>	<u><b>Số dư 01/1/2015</b></u>
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>		
Lợi thế kinh doanh	1.701.171.225	2.721.817.138

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2015

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số dư 30/9/2015</u>	<u>Số dư 01/7/2015</u>
<b><i>Chi phí trả trước dài hạn</i></b>		
Lợi thế kinh doanh	1.701.171.225	2.721.817.138
Đồng hồ thay mới	722.492.553	8.923.738.341
Hệ thống nước	5.121.691.972	14.931.308.139
Chi phí khác	121.817.606	802.896.707
<b>Cộng</b>	<b><u>7.667.173.356</u></b>	<b><u>27.734.186.101</u></b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động của tài sản cố định hữu hình trong kỳ:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2015	48.448.271.301	96.974.202.972	372.676.623.027	1.780.795.380	519.879.892.680
Tăng trong kỳ	703.128.727	4.880.525.561	9.068.678.000	-	14.652.332.288
Mua sắm mới	-	575.000.000	-	-	575.000.000
Chuyển từ XDCB sang	703.128.727	4.305.525.561	9.068.678.000	-	14.077.332.288
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/9/2015</b>	<b>49.151.400.028</b>	<b>101.854.728.533</b>	<b>381.745.301.027</b>	<b>1.780.795.380</b>	<b>534.532.224.968</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/7/2015	23.418.638.800	56.828.563.699	175.062.814.539	973.672.726	256.283.689.764
Tăng trong kỳ	879.625.485	3.039.428.176	7.534.580.007	84.965.664	11.538.599.332
Khấu hao trong kỳ	879.625.485	3.039.428.176	7.534.580.007	84.965.664	11.538.599.332
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/9/2015</b>	<b>24.298.264.285</b>	<b>59.867.991.875</b>	<b>182.597.394.546</b>	<b>1.058.638.390</b>	<b>267.822.289.096</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư 01/7/2015	25.029.632.501	40.145.639.273	197.613.808.488	807.122.654	263.596.202.916
<b>Số dư 30/9/2015</b>	<b>24.853.135.743</b>	<b>41.986.736.658</b>	<b>199.147.906.481</b>	<b>722.156.990</b>	<b>266.709.935.872</b>
<b>Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng:</b>					
Tại 01/7/2015	4.458.174.354	29.988.016.517	16.006.675.050	730.195.380	59.691.691.940
<b>Tại 30/9/2015</b>	<b>4.458.174.354</b>	<b>33.958.044.588</b>	<b>18.516.136.329</b>	<b>779.604.471</b>	<b>57.711.959.742</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định khác		Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/7/2015	19.498.185.000	2.579.904.000	620.796.000	22.698.885.000	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/9/2015</b>	<b>19.498.185.000</b>	<b>2.579.904.000</b>	<b>620.796.000</b>	<b>22.698.885.000</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/7/2015	1.949.818.500	1.953.964.705	262.113.290	4.165.896.495	
Tăng trong kỳ	194.981.850	130.058.418	10.346.601	335.386.869	
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/9/2015</b>	<b>2.144.800.350</b>	<b>2.084.023.123</b>	<b>272.459.891</b>	<b>4.501.283.364</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư 01/7/2015	17.548.366.500	625.939.295	358.682.710	18.532.988.505	
<b>Số dư 30/9/2015</b>	<b>17.353.384.650</b>	<b>495.880.877</b>	<b>348.336.109</b>	<b>18.197.601.636</b>	

Nguyên giá phần mềm máy vi tính bao gồm các phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.019.203.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 820.203.000 VND).

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

	<u>Số dư 30/9/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	2.468.942.891	2.485.165.920
<b>Cộng</b>	<b><u>2.468.942.891</u></b>	<b><u>2.485.165.920</u></b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Công trình cấp nước DN 300 Đường Nguyễn Khuyển – Ngã 3 Hòn Xên		2.769.873.973
Trạm bơm nước thô - phần công nghệ ( dự án nâng công suất NMN Võ	1.396.550.763	-
Cải tạo Tuyến ống DN300 Ngã 3 Thành - Phan bội Châu - TT Diên	1.185.957.978	1.773.348.323
Công trình nâng công suất Nhà máy nước Võ Cảnh	10.151.624.638	2.259.749.016
Dự án mở rộng HTCN Nha trang	409.027.272	409.027.272
Tuyến ống DN400/450 đường Lê hồng Phong	3.998.744.326	-
Tuyến ống cấp nước Khu dân cư Diên Thủy - Diên Điền - Diên Phú	760.886.548	603.630.195
Tuyến ống cấp nước từ Chợ Lương Sơn – THCS Nguyễn Viết Xuân		542.446.378
Các công trình tuyến ống cấp nước	3.846.727.314	902.886.677
<b>Cộng</b>	<b><u>21.749.518.839</u></b>	<b><u>9.260.961.834</u></b>

**11. Đầu tư vào công ty liên kết**

Đầu tư vào Công ty liên kết - Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	3.600.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.600.000.000</u></b>	<b><u>2.000.000.000</u></b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số dư 30/9/2015</u>		<u>Số dư 01/1/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại TGC	656.999.200	656.999.200	-	-
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	952.919.000	952.919.000	-	-
Công ty Cp Kỹ thuật Á Châu			986.000.000	986.000.000
Công ty cổ phần tự động công nghiệp OMINA	719.928.000	719.928.000	755.224.000	755.224.000
Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai	483 120 000	483 120 000	-	-
Công ty TNHH MTV Tư	316 144 400	316 144 400		

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

	Số dư 30/9/2015		Số dư 01/1/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
vấn Môi trường xanh Công ty TNHH Thương mại N.T.P	812 460 000	812 460 000	1.887.721.000	1.887.721.000
Công ty TNHH Nguyễn Ngọc	428 703 000	428 703 000	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý & Xây dựng giao thông Khánh Hòa	242 598 000	242 598 000	1.706.554.370	1.706.554.370
Các nhà cung cấp khác	1.467.058.585	1.467.058.585	9.988.554.408	9.988.554.408
<b>Cộng</b>	<b>5.422.930.985</b>	<b>5.422.930.985</b>	<b>15.324.053.778</b>	<b>15.324.053.778</b>

### 13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số dư 30/9/2015	Số dư 01/01/2015
Người mua trả trước cho hoạt động xây lắp và thiết kế	2.931.794.000	3.579.734.00
<b>Cộng</b>	<b>2.931.794.000</b>	<b>3.579.734.000</b>

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư 01/7/2015	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 30/9/2015
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(1.810.450.485)	1 150 285 789	700 000 000	(1 360 164 696)
Thuế thu nhập cá nhân	99.377.000	148 188 000	215 669 000	31 896 000
Tiền thuế đất	19.498.185.000	-	-	19.498.185.000
Các loại thuế khác	100.569.847	445.077.253	412.640.300	133.006.800
<i>Thuế môn bài</i>	-	-	-	-
<i>Thuế tài nguyên</i>	134.602.400	409. 567. 200	411. 162. 800	133.006. 800
<i>Thuế nhà đất (*)</i>	(34.032.553)	35 510 053	1 477 500	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.659.407.977	13.140.950.412	13.151.844.762	4.648.513.627
<i>Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt</i>	324.042.347	963. 553. 203	961. 685. 094	325. 910 .456
<i>Phí thoát nước đô thị</i>	4.002.969.990	11 827 461 449	11 857 764 028	3 972 667 411
<i>Phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng</i>	332.395.640	349 935 760	332 395 640	349 935 760
<b>Cộng</b>	<b>22.547.089.339</b>	<b>14.884.501.454</b>	<b>14.480.154.062</b>	<b>22.951.436.731</b>

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

24.391.572.377

24.311.601.427

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

- Thuế suất áp dụng :

- + Hoạt động cung cấp nước sạch : 10%

- + Hoạt động xây lắp, khảo sát, thiết kế và dịch vụ khác : 5%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.8

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo quy định hiện hành.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số dư 30/9/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	506.577.021
Chi phí công trình	337.623.580	1.230.314.603
Chi khám sức khỏe định kỳ		131.600.000
Chi hỗ trợ phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt		324.000.000
Chi phí tiền điện sản xuất	-	-
Chi phí khác	737.074.433	392.423.498
<b>Cộng</b>	<b><u>1.074.698.013</u></b>	<b><u>2.584.915.122</u></b>

**16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Doanh thu lắp đặt ống nhánh tư gia	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

Phụ lục : số : VI.8

THUYẾT MINH CÁCH TÍNH THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	<u>Tổng phát sinh</u>	HĐSX KD ƯU ĐÃI THUẾ - SẢN XUẤT NƯỚC	HOẠT ĐỘNG SXKD KHÔNG ƯU ĐÃI THUẾ - HOẠT ĐỘNG KHÁC
<b>Doanh thu và thu nhập khác</b>			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.775.778.537	56.856.106.654	6.919.671.883
Các khoản giảm trừ	-		-
Thu nhập khác (711)	1.057.464.020		1.057.464.020
<b>Cộng</b>	<b>64.833.242.557</b>	<b>56.856.106.654</b>	<b>7.977.135.903</b>
<b>Các khoản chi phí</b>		89,15%	10,85%
<b>Chi phí trực tiếp</b>	<b>53.527.907.766</b>	<b>46.670.185.369</b>	<b>6.857.722.397</b>
Giá vốn hàng bán (632)	52.452.379.626	46.670.185.369	5.782.194.257
Chi phí khác (811)	1.075.528.140		1.075.528.140
Chi phí bán hàng (641)	60.000.000	60.000.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp (642)	1.189.491.020	1.060.431.246	129.059.774
Chi phí lãi vay	1.216.279.144	1.084.312.859	131.966.285
Trừ: Lãi TGNH	742.376.511		742.376.511
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>9.581.941.138</b>	<b>7.981.177.180</b>	<b>1.600.763.958</b>

Thuế suất thuế TNDN		10%	22%
Thuế TNDN phải nộp	1.150.285.789	798.117.718	352.168.071
Lợi nhuận sau thuế	8.431.655.349		

**17. Phải trả khác**

	<u>Số dư 30/9/2015</u>	<u>Số dư 01/01/2015</u>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>454.346.786</b>	<b>403.342.573</b>
Kinh phí công đoàn	313.004.741	281.408.657
Trích nộp Bảo hiểm xã hội	7.627.483	-
Thanh toán chế độ ốm đau thai sản	133.714.562	68.744.470
Thuế TNCN còn phải trả cho CNV		53.189.446
Chi phí bảo lãnh dự thầu		
<b>Phải trả dài hạn khác</b>	<b>9.708.585.354</b>	<b>10.622.835.354</b>
Tiền lãi vay ân hạn phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (*)	9.014.800.000	9.903.200.000
Hội phí Cấp nước miền Trung Tây Nguyên	293.785.354	251.635.354
Khoản tiền nhận cho Công trình Khu kinh tế mới		
Chín Khúc - An Ninh - Diên An - Diên Khánh	400.000.000	400.000.000
Tiền bảo lãnh dự thầu		68.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.162.932.140</u></b>	<b><u>11.026.177.927</u></b>

(\*) Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa. Tiền lãi được trả định kỳ 6 tháng/ lần, mỗi kỳ 888.400.000 VND.

**18. Vay và nợ tài chính**

	<u>Số dư 30/9/2015</u>		<u>Số dư 01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>5.023.080.000</b>	<b>5.023.080.000</b>	<b>11.006.160.000</b>	<b>11.006.160.000</b>
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	4.513.080.000	4.513.080.000	9.026.160.000	9.026.160.000
Vay dài hạn đến hạn trả Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa	510.000.000	510.000.000	1.980.000.000	1.980.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>117.686.904.378</b>	<b>117.686.904.378</b>	<b>91.397.422.378</b>	<b>91.397.422.378</b>
Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (i)	76.722.360.978	76.722.360.978	76.722.360.978	76.722.360.978
Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa (ii)	14.675.061.400	14.675.061.400	14.675.061.400	14.675.061.400
Vay dài hạn ngân sách tỉnh Khánh Hòa (iii)	26.289.482.000	26.289.482.000	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>122.709.984.378</u></b>	<b><u>122.709.984.378</u></b>	<b><u>102.403.582.378</u></b>	<b><u>102.403.582.378</u></b>

(i) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa với hạn mức 135.392.400.978 VND. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn vay là 25 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2000, thời hạn trả nợ gốc 20 năm từ ngày 01 tháng 12 năm 2004 đến ngày

01 tháng 12 năm 2024. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “ Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang”. Khoản vay này chịu lãi suất 5%/năm (bao gồm phí quản lí cho vay lại 0,2%/năm). Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 81.235.440.978 VND.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008 , Dự án “Nâng cấp cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang”, được hình thành từ vốn vay ODA, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, quyết toán toàn bộ dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, Công ty chỉ ghi nhận nợ vay theo giá trị tài sản, vật tư, công cụ do Ban quản lý Dự án Cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang tạm bàn giao theo số liệu đã xác nhận nợ vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa. Sau khi Chuyển sang Công ty Cổ phần toàn bộ giá trị tài sản , vật tư, công cụ vay từ vốn ODA đã được đánh giá lại và được xác định là tài sản của Công ty theo Quyết định số: 1416/QĐ- UBND ngày 17/06/2013 và Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về “ Giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Khánh Hòa”.

(ii) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Quỹ Đầu tư Phát Triển Khánh Hòa với hạn mức 28.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 102 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 25 tháng 9 năm 2013, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu. Khoản vay này dùng để đầu tư dự án “ Cấp nước sạch xã Vĩnh Lương”, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản tại Nhà máy nước Võ Cạnh. Khoản vay này chịu lãi suất 8,29 %/năm. Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 15.185.061.400 VND.

(iii) Khoản vay dài hạn của Công ty tại Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa với hạn mức 78.987.739.865 VND. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn trả nợ gốc 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Khoản vay này dùng để Đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Võ Cạnh và lắp đặt hệ thống Lamella cho bể lắng Nhà máy nước Võ Cạnh thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa. Khoản vay này chịu lãi suất 0%. Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 là 26.289.482.000 VND.

#### 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Khoản mục	Số dư 01/7/2015	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi/ sử dụng các quỹ trong kỳ	Số dư 30/9/2015
Quỹ khen thưởng	1.476.998.000			(111 000 000)	1.365.998.000
Quỹ phúc lợi	3.841.101.278			(30.000.000)	3 811 101 278
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-				
<b>Cộng</b>	<b>5.318.099.278</b>	-	-	<b>(141.000.000)</b>	<b>5 177 099 278</b>

**20. Vốn chủ sở hữu**

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư 01/01/2014</b>	-	-	-	-	-
Bàn giao từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Khánh Hòa	260.000.000.000	852.875.935	4.891.090.568	6.474.909.643	272.218.876.146
Lợi nhuận năm 2014	-	-	-	23.497.796.861	23.497.796.861
Nộp quỹ đầu tư phát triển năm 2013	-	-	(4.891.090.568)	-	(4.891.090.568)
Nộp lợi nhuận năm 2012 và năm 2013	-	-	-	(6.474.909.643)	(6.474.909.643)
<b>Số dư 31/12/2014</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>852.875.935</b>	<b>-</b>	<b>23.497.796.861</b>	<b>284.350.672.796</b>
<b>Số dư 01/7/2015</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>852.875.935</b>	<b>2.349.780.000</b>	<b>28.165.177.179</b>	<b>291.367.833.114</b>
Lợi nhuận quý 3 năm 2015	-	-	-	8.431.655.349	8.431.655.349
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/9/2015</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>852.875.935</b>	<b>2.349.780.000</b>	<b>36.596.832.528</b>	<b>299.799.488.463</b>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu :

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	79,23
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	15,62
Các cổ đông khác	13.400.000.000	5,15
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## Cổ phiếu

	<u>Số dư 30/9/2015</u>	<u>Số dư 01/7/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.000.000</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.000.000	26.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>26.000.000</i>	<i>26.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý 3 năm 2015</u>	<u>Quý 3 năm 2014</u>
<i>Doanh thu</i>	<i>63.775.778.537</i>	<i>55.597.431.724</i>
Doanh thu sản xuất nước sạch	56 856 106 654	47 041 713 098
Doanh thu hoạt động xây lắp	6.832.755.409	7 683 049 461
Doanh thu khảo sát thiết kế	86 916 474	872 244 165
Doanh thu bán vật tư		425 000
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	-	
Hàng bán bị trả lại	-	909.090
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>63.775.778.537</u></b>	<b><u>55.596.522.634</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn sản xuất nước	46 041 991 225	38 306 692 490
Giá vốn xây lắp	6 376 505 067	6 318 102 163
Giá vốn thiết kế	33 883 334	315 304 123
Giá vốn bán vật tư		893 321
<b>Cộng</b>	<b><u>52.452.379.626</u></b>	<b><u>44.940.992.097</u></b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	742.376.511	1.057.561.574
<b>Cộng</b>	<b><u>742.376.511</u></b>	<b><u>1.057.561.574</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	Quý 3 năm 2015	Quý 3 năm 2014
Chi phí lãi vay	1 216 279 144	1.692.035.717
<b>Cộng</b>	<b>1 216 279 144</b>	<b>1.692.035.717</b>

**5. Chi phí bán hàng**

Chi phí dụng cụ, đồ dùng		-
Chi phí dịch vụ mua ngoài		-
Chi phí bằng tiền khác	60.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên quản lý	301 410 215	217 647 077
Chi phí nguyên vật liệu quản lý		22 727 273
Chi phí đồ dùng văn phòng	32 027 273	170 077 337
Chi phí khấu hao	84 321 456	72 337 425
Thuế, phí và lệ phí		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104 285 851	33 190 995
Chi phí bằng tiền khác	667 446 225	812 616 297
<b>Cộng</b>	<b>1.189.491.020</b>	<b>1.328.596.404</b>

**7. Lợi nhuận (lỗ) khác**

Thu phí bảo vệ môi trường	1 057 464 020	1 044 549 582
Thu nhập khác		
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1 057 464 020</b>	<b>1 044 549 582</b>
Chi phí hỗ trợ thu phí bảo vệ môi trường	1.075.528.140	1 029 013 112
Chi phí khấu hao của hợp tác đầu tư		
Chi phí tiền xăng dầu		
Chi phí bị phạt		
Chi phí khác		15 099 662
<b>Chi phí khác</b>	<b>1.075.528.140</b>	<b>1.044.112.774</b>
<b>Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động khác</b>	<b>(18.064.120)</b>	<b>436.808</b>

Khánh hòa ngày ...tháng 10 năm 2015

Lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



  
**Trần Văn Huy**
**Nguyễn Văn Quân**

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)

TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/09/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		216.896.083.198	186.112.459.091
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(85.986.110.639)	(65.355.317.057)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(52.197.484.623)	(40.782.055.106)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.402.690.732)	(4.228.377.990)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(700.000.000)	(700.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.360.393.294	3.206.997.575
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(64.751.378.031)	(119.664.829.658)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>13.218.812.467</b>	<b>(41.411.123.145)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.990.164.708)	(4.599.891.354)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.600.000.000)	(300.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		407.769.927	303.478.747
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.182.394.781)</b>	<b>(4.596.412.607)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.983.080.000)	(3.156.540.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.199.818.000)	(3.846.652.632)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(9.182.898.000)</b>	<b>(7.003.192.632)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.146.480.314)</b>	<b>(53.010.728.384)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>79.379.580.210</b>	<b>124.770.143.540</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>78.233.099.896</b>	<b>71.759.415.156</b>

Ngày 20 tháng 09 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU  
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG  
(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Văn Quân

Trần Văn Huy

